

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả 01 năm thực hiện Tái cơ cấu Thủy lợi

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1.1. Về tổ chức tổ chức triển khai thực hiện Đề án

Ngay sau khi Đề án được phê duyệt, Bộ đã chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động thực hiện Đề án và được Bộ phê duyệt tại Quyết định 802/QĐ-BNN-TCTL ngày 22/4/2014; tổ chức triển khai ngay công tác truyền truyền phổ biến và chỉ đạo hướng dẫn thực hiện Đề án. Cụ thể:

- Đã tổ chức 5 hội nghị tại các vùng để tuyên truyền triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Thủy lợi; tổ chức Triển lãm Khoa học Công nghệ Thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành Thủy lợi và nâng cao hiệu quả QLKTCTTL hiện có tại Hà Nội, Tây Nguyên, Phan Thiết; tổ chức Hội thảo “Công nghệ và giải pháp nâng cao hiệu quả tưới tiết kiệm nước cho cây cà phê khu vực Tây Nguyên”. Xây dựng phóng sự phát tại Hội nghị để giới thiệu, tuyên truyền về tăng cường áp dụng tưới tiết kiệm nước; kết quả hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tưới tiết kiệm nước; các mô hình tưới tiết kiệm nước thành công. Thông qua hội thảo, triển lãm, các doanh nghiệp, chủ trang trại và nông dân đã tiếp cận được các sản phẩm mới liên quan đến công nghệ tưới tiên tiến tiết kiệm nước.

- Phối hợp với Đài truyền hình (VTV, VTC) xây dựng các phóng sự và phát sóng giới thiệu, tuyên truyền và phổ biến các mô hình tưới tiết kiệm nước đã triển khai thành công ở các khu vực Trung du Miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên.

- Phối hợp với Báo Nông nghiệp Việt Nam đăng tải nhiều kỳ về các nội dung của Đề án như nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi, củng cố phát triển thủy nông cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới; đào tạo nâng cao năng lực trong quản lý khai thác công trình thủy lợi; tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, lúa (đăng tải trên 35 số báo với các chuyên đề khác nhau).

- Hình thành bộ phận thường trực đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng Đề án cho phù hợp với định hướng của Bộ NN&PTNT. Cho đến nay hầu hết các tỉnh đã tổ chức hội nghị phổ biến mục tiêu, nội dung và quán triệt triển khai thực hiện Đề án của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

Theo báo cáo của các địa phương, đến nay đã có 17 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tuyên Quang, Thái Bình, Thanh Hóa, Kon Tum, Khánh Hòa, TP HCM, Tây Ninh, An Giang, Trà Vinh, Bến Tre, Đồng Tháp...) ban hành Đề án hoặc lồng ghép với Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp của tỉnh, xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện Đề án. Các tỉnh còn lại đang nỗ lực xây dựng và ban hành Đề án.

1.2. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi

a) Về củng cố phát triển thủy lợi nội đồng

Quyết liệt chỉ đạo củng cố tổ chức thủy nông cơ sở, xây dựng thể chế, chính sách đầu tư hoàn chỉnh thủy lợi nội đồng và áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước lồng ghép với xây dựng nông thôn mới. Cụ thể:

- Đã xây dựng Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế chính sách phát triển thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Hiện đang lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan và một số địa phương để hoàn thiện, trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý III năm 2015.

- Đã công nhận 02 tiến bộ kỹ thuật áp dụng hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng (sản xuất kênh mương lưới thép vô móng và trạm bơm điện vùng đồng bằng sông Cửu Long)

- Đang xây dựng Thông tư Hướng dẫn việc thành lập, củng cố và phát triển tổ chức hợp tác dùng nước (thay thế Thông tư 75).

- Đang xây dựng Thông tư Hướng dẫn đầu tư phát triển trạm bơm điện ở vùng ĐBSCL theo hình thức đối tác công tư (PPP)

- Hướng dẫn các tỉnh xây dựng quy định phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi theo Thông tư 65/2009/TT-NNPTNT làm cơ sở để chuyển giao, củng cố tổ chức thủy nông cơ sở quản lý.

- Đang chỉ đạo các địa phương củng cố tổ chức thủy nông cơ sở theo quy định phân cấp quản lý; lồng ghép và triển khai thực hiện ngay trong các dự án ODA như WB6, WB7. Rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình thủy lợi và chuyển giao cho cấp xã quản lý, trên cơ sở đó củng cố, thành lập các tổ chức quản lý phù hợp với từng vùng miền, bảo đảm tất cả các công trình thủy lợi có chủ quản lý.

- Đang chỉ đạo nghiên cứu xây dựng mô hình và cơ chế quản lý hồ đập nhỏ vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên theo hướng xã hội hóa và giao cộng đồng quản lý; xây dựng các tiêu chuẩn về quy hoạch, thiết kế và thi công hệ thống thủy lợi nội đồng.

- Hoàn chỉnh thủy nông cơ sở, lồng ghép xây dựng 15 mô hình trình diễn về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho lúa theo phương thức canh tác tiên tiến (SRI, nông - lộ - phơi..) trong các dự án ODA. Cụ thể: 03 mô hình thuộc dự án WB6 ở các tỉnh An Giang, Hậu Giang, Bạc Liêu; 12 mô hình thuộc dự án WB7 ở 7 tỉnh Hà Giang, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Quảng Nam.

- Đã xây dựng trình Bộ phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành quản lý khai thác công trình thủy lợi giai đoạn 2014-2020 (Quyết định số 3956/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/9/2014); Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành quản lý khai thác công trình thủy lợi (Quyết định số 3874/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/9/2014).

- Ban hành Bộ tài liệu đào tạo nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi theo từng đối tượng, tập trung đào tạo nâng cao năng lực cán bộ, nhân viên quản lý vận hành cấp huyện, xã, chủ quản lý hồ đập nhỏ.

- Ban hành và phổ biến các sổ tay hướng dẫn như: Sổ tay hướng dẫn tưới tiết kiệm nước cho lúa; Sổ tay phát triển quản lý tưới có sự tham gia (PIM); Tài liệu

hướng dẫn hoạt động của Tổ chức hợp tác dùng nước; Sổ tay hướng dẫn kiên cố hóa kênh mương nội đồng; Sổ tay trạm bơm điện vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Năm 2014, đã chỉ đạo lồng ghép từ các dự án ODA để đào tạo tập huấn cho nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý thủy nông ở các hợp tác xã, các tổ chức hợp tác dùng nước. Đã giao Trường Cán bộ quản lý NN và PTNT I, II tổ chức 21 lớp đào tạo về an toàn đập cho hợp tác xã, các tổ chức hợp tác dùng nước;

b) Về củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động công trình do nhà nước quản lý (công ty, Trung tâm, Chi Cục thủy lợi)

- Đang chỉ đạo triển khai xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 130/2013/NĐ-CP của CP nhằm thúc đẩy áp dụng triệt để phương thức đặt hàng và đấu thầu quản lý khai thác công trình thủy lợi. Hiện đã có một số tỉnh, thành phố đã áp dụng phương thức đặt hàng như Hà Nội, Hà Nam, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Tiền Giang, An Giang... Một số khác đang triển khai thực hiện như Vĩnh Phúc, Quảng Ninh,.... Hà Nam đang nghiên cứu thí điểm áp dụng phương thức đấu thầu.

- Xây dựng trình Bộ ban hành 03 Tập định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi cho 3 công ty QLKTCTTL trực thuộc Bộ (Quyết định số 4869, 4870, 7871/QĐ-BNN-TCTL ngày 10/11/2014); thẩm định giúp các địa phương ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý khai thác công trình thủy lợi. Đến nay đã có 40 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành định mức KT-KT, đây là cơ sở để triển khai đấu thầu, đặt hàng. theo Nghị định 130/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đã xây dựng và trình Bộ ban hành Bộ chỉ tiêu đánh giá nhanh (RAP) và Benchmarking áp dụng cho các IMCs.

- Đã ban hành 02 tiêu chuẩn quốc gia về tưới tiết kiệm nước.

- Hướng dẫn các tỉnh thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi hiện đã có 55/63 (87,3 %) tỉnh đã ban hành quyết định phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi theo Thông tư 65/2009/TT-NNPTNT.

- Đang xây dựng và sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Thông tư Hướng dẫn chế độ bảo dưỡng thường xuyên công trình thủy lợi; lồng ghép trong dự án WB7 để xây dựng Thông tư Hướng dẫn phân cấp quản lý công trình thủy lợi (thay thế Thông tư 65); Thông tư Hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện đấu thầu, đặt hàng (thay thế Thông tư 56); Bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả, kết quả hoạt động của các IMCs; Xây dựng quy định hợp đồng đặt hàng và các tiêu chí đánh giá nghiệm thu hợp đồng với các IMCs

- Đang chỉ đạo triển khai nghiên cứu xây dựng mô hình và cơ chế quản lý tổng hợp công trình thủy lợi Vùng ĐBSCL; mô hình và giải pháp thúc đẩy xã hội hóa đầu tư xây dựng và quản lý hồ đập nhỏ vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên; hướng dẫn thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công-tư (PPP); cơ chế tài chính bền vững cho các tổ chức quản lý KTCTTL;

- Rà soát, đánh giá lại nhiệm vụ của các hệ thống thủy lợi lớn trong toàn quốc. Năm 2015 thí điểm thực hiện 7 hệ thống lớn đại diện cho từng vùng (hệ thống thủy lợi Nam Sông Mã, hệ thống thủy lợi Sông Rác, hệ thống thủy lợi La Ngà Trúc kinh...) để củng cố tổ chức, hoàn thiện cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động;

- Đã lồng ghép vào Dự án WB6 để giao cho 2 đơn vị thuộc Bộ (Viện KH TLVN, viện QHTLMN) nghiên cứu, đề xuất kiện toàn mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long, bao gồm: Mô hình tổ chức quản lý hệ thống liên tỉnh (thí điểm cho hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp), mô hình tổ chức quản lý trong tỉnh (thí điểm cho hệ thống trong tỉnh An Giang);

- Chỉ đạo rà soát lại các công trình đã xây dựng đầu mối nhưng chưa hoàn chỉnh hệ thống kênh như hồ Đá Hàn, Krongbuk Thượng, hồ Tà Rục, hồ sông Ray...; đề xuất kế hoạch đầu tư để hoàn chỉnh; đã xây dựng qui trình vận hành một số công trình, hệ thống công trình.

1.3. Về phát triển tưới cho cây trồng cạn

Đang triển khai thực hiện Kế hoạch khung hành động phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn phục vụ tái cơ cấu ngành Thủy lợi (theo Quyết định số 1788/QĐ-BNN-TCTL ngày 19/5/2015). Các kết quả đã đạt được:

a) Ban hành cơ chế chính sách khuyến khích, tuyên truyền, triển lãm công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

- Đã rà soát chính sách vay vốn lãi suất ưu đãi theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg để hướng dẫn áp dụng; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số cơ chế chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn. Dự kiến trình Chính phủ trong Quý III năm 2015;

- Đã tổ chức tuyên truyền trên VTV1, đăng các tin bài liên quan trên Website của Tổng cục Thủy lợi, trên chuyên trang của Báo Nông nghiệp Việt Nam về một số chính sách khuyến khích áp dụng tưới tiết kiệm, những mô hình đã thành công. Ngoài ra còn tuyên truyền phổ biến theo hình thức trực tiếp như: tổ chức 03 hội thảo - triển lãm về tưới tiên tiến tiết kiệm nước tại miền Bắc, Tây nguyên và Nam trung bộ để giới thiệu cụ thể vật tư, vật liệu, thiết bị, mô hình mẫu có liên quan tới tưới tiết kiệm, phát hành trên 300 băng đĩa, 2000 tài liệu giới thiệu kết quả các mô hình, Quy trình tưới chuyên giao cho hàng trăm cán bộ khuyến nông, cán bộ thủy lợi cấp tỉnh, huyện và người dân địa phương;

- Đã kết nối, huy động doanh nghiệp lớn trong nước như Hoàng Anh Gia lai, TH Truemilk, cà phê Trung Nguyên.... và ngoài nước như Netaphim- Israel và một số doanh nghiệp từ Đài Loan, Trung Quốc tham gia cung ứng, chuyên giao công nghệ, thiết bị phục vụ tưới tiết kiệm nước. Hiện nay, nhiều mô hình liên kết tổ chức sản xuất nông nghiệp công nghệ tiên tiến gắn với tưới tiết kiệm nước đã hình thành, có tác dụng lan tỏa và trở thành mô hình để người dân học tập như tại Lào Cai, Hoà Bình, Lâm Đồng, Sơn La, Đồng Nai, Bình Thuận, Gia Lai, Bình Phước...

b) Xây dựng qui chuẩn, qui trình, mô hình tưới tiên tiến, tưới tiết kiệm

- Đang chỉ đạo hoàn chỉnh, ban hành 14 Quy trình hướng dẫn tưới tiết kiệm nước kết hợp bón phân cho các cây trồng chủ lực có giá trị kinh tế, cụ thể: Đã xây dựng xong và đang thẩm định để ban hành trong năm 2015: 4 quy trình kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây cà phê và hồ tiêu (vùng Tây Nguyên), cây chè (vùng Trung du miền núi phía Bắc), cây mía bằng nguồn vốn KHCN. Đang xây dựng và tiếp tục ban hành 1 quy trình cho cây điều (Đông Nam bộ) vào năm 2016. Chuẩn bị xây dựng 9 quy trình cho cây cam, xoài, chuối, thanh long, dứa,

nho, rau, hoa, ngô (từ dự án WB7, ADB Tây Nguyên, ADB miền núi phía Bắc) bằng nguồn vốn ODA. Dự kiến ban hành trong năm 2016.

- Đã ban hành 1 Sổ tay hướng dẫn Quy trình tạm thời áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho 8 cây trồng cạn: Mía, cà phê, chè, thanh long, nho, cam, bưởi, rau màu.

- Đã xây dựng được 3 mô hình mẫu tổng hợp (ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước, mô hình PIM và cộng đồng quản lý an toàn hồ đập nhỏ, thử nghiệm áp dụng QĐ 68/TTg) cho cà phê và tiêu vùng Tây Nguyên, cây điều ở vùng Đông Nam Bộ.

- Đã xây dựng 20 mô hình tưới tiết kiệm nước cho cây trồng cạn gắn với sản xuất thâm canh bền vững trong các dự án ODA, cụ thể là: 16 mô hình tưới cho cây trồng cạn gắn với hệ thống nông nghiệp thông minh trong Dự án WB7, 4 mô hình tưới (ngô ở Thanh Hóa; cà phê, hồ tiêu ở Tây Nguyên, Thanh Long ruột đỏ ở Vĩnh Phúc) trong dự án ADB6.

- Chỉ đạo nghiên cứu hoàn thiện giải pháp công nghệ tưới và tích hợp hệ thống thiết bị tưới tiên tiến, tiết kiệm nước giá rẻ phục vụ tưới cho cây trồng cạn ngăn ngừa rau màu, cây công nghiệp.

- Chỉ đạo nghiên cứu chế độ tưới, quy trình tưới tiết kiệm nước cho một số cây trồng chủ lực, có lợi thế, có giá trị kinh tế cao như cà phê, tiêu, điều, mía...; nghiên cứu và áp dụng các mô hình công nghệ thu trữ nước tại chỗ để tưới cho các vùng cao, đất dốc khan hiếm nguồn nước, như ở Hoà Bình, Lạng Sơn, Hà Giang, Đắk Lắk; ứng dụng công nghệ tạo nguồn, thu trữ và bổ cập nước ngầm phục vụ tưới điều vùng Đông Nam Bộ. Đã lồng ghép vào các dự án ODA để xây dựng các mô hình mẫu, mô hình trình diễn tưới tiết kiệm nước để nhân rộng (ADB Tây Nguyên, WB7, ADB6).

- Chỉ đạo nghiên cứu thiết kế, chế tạo pin năng lượng mặt trời và tích hợp đồng bộ công nghệ bơm sử dụng năng lượng mặt trời để chủ động nguồn cung cấp nước phục vụ tưới cây công nghiệp, cây ăn quả.

- Đến tháng 7/2015, đã có 85.700 ha diện tích cây trồng cạn được áp dụng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước như tưới phun mưa cục bộ và tưới nhỏ giọt, trong đó: Vùng Đông Nam Bộ 33.828 ha, vùng Tây Nguyên 29.970 ha, miền Trung 12.900 ha, đồng bằng sông Cửu Long khoảng 5.800 ha, Trung du và miền núi phía Bắc hơn 3.000 ha (Lâm Đồng 16.000 ha, Đồng Nai 13.600 ha, Bình Phước 10.400 ha).

b) Rà soát điều chỉnh quy hoạch thủy lợi phục vụ tưới cho cây trồng cạn

- Vùng Tây Nguyên: Đề xuất kéo dài hệ thống kênh để tạo nguồn và tưới cho diện tích cây công nghiệp tập trung như cà phê, tiêu, rau, hoa quả ở những vùng xung quanh hồ đập, hệ thống thủy lợi đã có ở Kon Tum, Pleiku, Buôn Ma Thuột, vùng thị trấn Gia Nghĩa... Nghiên cứu giải pháp xây dựng các ao, hồ nhỏ trữ nước, từ đó triển khai các hệ thống tưới tiết kiệm nước cho những vùng có điều kiện. Rà soát diện tích cây công nghiệp ở các vùng khó khăn về nguồn nước, từ đó khuyến cáo việc mở rộng diện tích đối với các loại cây công nghiệp.

- Vùng miền núi phía Bắc và đồng bằng sông Hồng: Rà soát, đề xuất các giải pháp cấp nước phục vụ việc chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp, khó khăn về nguồn nước sang trồng ngô, rau màu giá trị kinh tế cao hơn.

Mặt khác rà soát quy hoạch thủy lợi đề xuất tưới cho cây công nghiệp như: Cây chè ở Thái Nguyên, Phú Thọ, Tuyên Quang..., cam ở Bắc Giang, Hà Giang, Hòa Bình,...; trồng rau, màu, hoa, cỏ, cây ăn trái tại Hà Nội, Hà Nam, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định...

- Vùng Duyên hải Miền Trung: Rà soát, cân đối nguồn nước, đề xuất các giải pháp cấp nước cho vùng cây công nghiệp tập trung như mía (Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Khánh Hòa), xoài (Khánh Hòa), cỏ chăn nuôi gia súc (Nghệ An, Phú Yên); nghiên cứu các giải pháp kết nối các hồ chứa, chuyển nước lưu vực đến các vùng khó khăn nguồn nước phục vụ chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp.

- Vùng Đông Nam bộ: Đề xuất giải pháp cấp nước cho các tỉnh bị hạn hán nghiêm trọng và kéo dài như Ninh Thuận (hệ thống thủy lợi đập Tân Mỹ, hồ sông Cái, hệ thống đường ống áp lực dẫn nước đến các hồ và vươn tới các vùng ven biển). Đối với tỉnh Bình Thuận thông qua rà soát quy hoạch, đề xuất xây dựng hồ Sông Lũy và hệ thống kênh ở bắc Bình Thuận, hồ Ka Pét và hệ thống kênh ở Nam Bình Thuận trong tương lai đề xuất xây dựng hồ La Ngà 3 đảm bảo ổn định nguồn nước cho tỉnh Bình Thuận. Rà soát các vùng chuyển đổi từ lúa sang rau màu, vùng cây công nghiệp như cây tiêu, điều, cà phê... để triển khai xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm nước.

c) Rà soát đề xuất và điều chỉnh các dự án đầu tư

- Với các dự án đang triển khai thực hiện: Rà soát, điều chỉnh dự án để đưa các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào phục vụ các vùng sản xuất chuyên canh (ở Hà Nam), mở rộng diện tích tưới vùng thượng lưu của các công trình hồ chứa hiện có vùng Tây Nguyên (Krongbuk Hạ, Buôn Đông, Yakao...).

- Đề xuất trong kế hoạch trung hạn 2016-2020 các dự án phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ các nguồn vốn khác nhau, cụ thể:

+ Vốn ngân sách trung ương do Bộ quản lý: Gồm 31 dự án phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng (miền núi phía Bắc 10 dự án, ĐB sông Hồng 2 dự án, Bắc Trung bộ 2 dự án, Nam Trung bộ 1 dự án, Tây Nguyên 12 dự án, Đông Nam bộ 2 dự án và Tây Nam bộ 2 dự án) để tưới cho một số cây trồng cận chủ lực, có lợi thế ở từng vùng miền như: Cây cà phê (ở Đắk Lắk), xoài (ở Khánh Hòa), mía (ở Thanh Hóa), cam, chanh ở đồng bằng sông Cửu Long...

+ Từ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ: Đã đề xuất các công trình thủy lợi cho các khu vực Miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Nam Trung bộ và Đông Nam bộ như: (1) Khu vực Miền núi phía Bắc: Dự án Hồ Cảnh Tạng và hệ thống TL Yên Thủy, Lạc Thủy (Hòa Bình); Hệ thống CTTL Nà Sản (Sơn La); Hệ thống CTTL Ngòi Giành (Phú Thọ), hồ Phiêng Lú, Nậm Thi (Lai Châu) ... là các dự án tưới cây trồng cận có quy mô lớn, bức thiết, có thể tạo ra đột phá cho ngành nông nghiệp; (2) Khu vực Nam Trung Bộ: Dự án Thủy lợi Đồng Mít (Bình Định), hồ Mỹ Lâm (Phú Yên), Hồ Đồng Điền (Khánh Hòa), Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (Ninh Thuận), Hệ thống thủy lợi Sông Lũy (Bình Thuận) ...; (3) Khu vực Tây Nguyên: các hồ chứa nước Krông Năng; Hồ Ea Hleo 1 (Đắk Lắk); Hồ Ia Thul (Gia Lai); Cụm CTTL Ia H'Đrai (Kon Tum) ... kết hợp với giải pháp bơm từ các hệ thống công trình thủy lợi lớn.

1.4. Về phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

Tập trung rà soát đánh giá cơ sở hạ tầng thủy lợi, điều chỉnh quy hoạch phục vụ cho nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ, ưu tiên khu vực đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Trung bộ, cụ thể:

a) Rà soát điều chỉnh quy hoạch

- Đang chỉ đạo thực hiện dự án qui hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến hoàn thành và phê duyệt trong năm 2015. Phối hợp với Tổng cục Thủy sản rà soát quy hoạch các vùng nuôi thủy sản tập trung. Bổ sung nội dung rà soát điều chỉnh quy hoạch vào Dự án WB6 để hỗ trợ các địa phương ven biển ĐBSCL rà soát qui hoạch thủy lợi chi tiết phục vụ nuôi trồng thủy sản. Từ kết quả rà soát quy hoạch đã đề xuất 55 dự án thủy lợi trọng tâm phục vụ thủy sản;

- Đến nay đã có 6/13 tỉnh đã và đang triển khai thực hiện nhiệm vụ rà soát điều chỉnh quy hoạch thủy lợi chi tiết cho phù hợp với yêu cầu phục vụ nuôi trồng thủy sản, quy hoạch xây dựng các trạm bơm điện (Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang và Sóc Trăng)

- Đã chỉ đạo bổ sung nội dung rà soát qui hoạch thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản cho các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ vào dự án Qui hoạch thủy lợi toàn quốc cho phù hợp với đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đã đề xuất điều chỉnh hệ thống thủy lợi Tân Mỹ từ tưới 3.700 ha lên 6.800 ha, trong đó có cung cấp nước cho khu vực ven biển Ninh Thuận để nuôi trồng thủy sản; rà soát qui hoạch thủy lợi tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận trong đó ưu tiên cấp nước cho nuôi trồng thủy sản.

b) Rà soát đề xuất và điều chỉnh các dự án đầu tư

- Đối với các dự án đang triển khai thực hiện: Rà soát nhiệm vụ, ưu tiên bố trí vốn và đôn đốc triển khai để phát huy hiệu quả.

+ Giao Tổng cục Thủy lợi tiếp tục quản lý, chỉ đạo triển khai 02 dự án: (i) Dự án Hệ thống thủy lợi Tiêu vùng III Nam Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Cái Nước; phục vụ 7420 ha thủy sản, tổng mức đầu tư là 198,877 tỷ đồng, hiện đã được bố trí vốn 19 tỷ đồng; (ii) Hệ thống thủy lợi Nuôi trồng thủy sản Tâm Vu Lộ, huyện Cầu Ngang, Trà Vinh phục vụ 1080 ha thủy sản, khởi công mới năm 2015, dự kiến kết thúc năm 2019. Tổng mức đầu tư 140,054 tỷ đồng, đã bố trí vốn 28,2 tỷ đồng.

+ Chuyển giao Tổng cục Thủy sản tiếp quản và chỉ đạo thực hiện 04 dự án: (i) Dự án “Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp xã Long Điền Đông – Long Điền Tây”, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích nuôi trồng thủy sản 5.200 ha. Tổng mức đầu tư 188,550 tỷ đồng; (ii) Dự án “ Hệ thống thủy lợi phục vụ NTTS Tân Duyệt”, huyện Đầm Dơi, Cà Mau. Diện tích nuôi trồng thủy sản 4.907 ha. Tổng mức đầu tư 130,753 tỷ đồng; (iii) Dự án “ Hệ thống thủy lợi phục vụ NTTS Đầm Nại”, tỉnh Ninh Thuận. Tổng mức đầu tư 175 tỷ đồng, dự kiến kết thúc dự án năm 2015; (iv) Dự án “ Hệ thống thủy lợi phục vụ NTTS Đông Đơn”, tỉnh Trà Vinh. Tổng mức đầu tư: 125 tỷ đồng, dự kiến kết thúc dự án năm 2016.

- Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư 2015 và giai đoạn 2016-2020: Đang khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục phê duyệt Chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư 05 dự án thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản đã cấp vốn chuẩn bị đầu tư năm 2015, bao gồm: Thủy lợi hóa vùng nuôi tôm sú thị xã Ninh Lộc, Ninh Hòa (tỉnh Khánh Hòa); Cải tạo nâng cấp CTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản tỉnh Nam Định (tỉnh Nam Định); Chống ngập úng và NTTS khu vực Hưng Đạo, thị xã Chí Linh (tỉnh Hải Dương); HTTL nuôi tôm Cù Lao Dung (tỉnh Sóc Trăng); HTTL phục vụ NTTS huyện Kiên Lương (tỉnh Kiên Giang). Bộ đã rà soát xem xét thống nhất được 24 dự án thủy lợi phục vụ thủy sản bằng nguồn vốn Bộ quản lý trong kế hoạch trung hạn 2016-2020, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long 17 dự án (trong dự án WB9 có 12 dự án) tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang.

c) Nghiên cứu giải pháp cấp thoát nước nước phục vụ nuôi trồng thủy sản

Đang chỉ đạo nghiên cứu các giải pháp cấp thoát nước nước phục vụ nuôi trồng thủy sản bền vững như:

- Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thủy lợi với kênh cấp và thoát nước riêng biệt, kết hợp với ao xử lý nước vào và nước thoát ở những khu vực có điều kiện thích hợp, xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng phù hợp các mô hình sản xuất nông nghiệp khác nhau như chuyên lúa; chuyên tôm; nuôi tôm quảng canh tôm + lúa; tôm + rừng, nuôi tôm sinh thái... Thiết kế ô mẫu thủy lợi phục vụ NTTS tại 1 số tỉnh: Bạc Liêu, Kiên Giang trong đó tập trung cấp thoát nước (ngọt/mặn) chủ động.

- Đang chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu như: Giải pháp lấy nước mặn, nước ngọt phục vụ NTTS đồng thời đảm bảo môi trường; xây dựng đề án giám sát chất lượng nước, bao gồm cả giám sát mặn phục vụ lấy nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; xây dựng các mô hình tôm-lúa, chuyên tôm (lồng ghép trong dự án WB6)

- Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thủy lợi với kênh cấp và thoát nước riêng biệt, kết hợp với ao xử lý nước vào và nước thoát ở những khu vực có điều kiện thích hợp, xây dựng hệ thống thủy lợi nội đồng phù hợp các phương thức NTTS khác nhau (nuôi tôm quảng canh tôm + lúa, tôm + rừng, nuôi tôm sinh thái...).

- Thiết kế ô mẫu thủy lợi phục vụ NTTS tại Bạc Liêu, Kiên Giang, trong đó tập trung cấp thoát nước (ngọt/mặn) chủ động.

1.5. Về quản lý an toàn đập

Đã quyết liệt chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách bảo đảm cơ sở pháp lý về an toàn hồ đập từ quy hoạch, khảo sát, thiết kế, đầu tư xây dựng và quản lý vận hành; chỉ đạo địa phương kiểm tra xử lý kịp thời đảm bảo an toàn hồ chứa thủy lợi; hoàn chỉnh Chương trình an toàn hồ chứa để trình Thủ tướng Chính phủ... Cụ thể:

a) Về xây dựng và hoàn thiện thể chế chính sách

- Đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 72/2007/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, dự kiến Chính phủ ban hành trong quý III năm 2015; đã chỉ đạo xây dựng dự thảo các Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định thay thế Nghị định số 72/2007/NĐ-CP; Hướng dẫn lập phương

án phòng chống lũ, lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập; Hướng dẫn lập quy trình vận hành hồ chứa nước.

- Đã chỉ đạo xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo đảm an toàn hồ chứa (Tờ trình số 5015/TTr-BNN-TCTL ngày 24/6/2015), với nội dung chính: Nghiên cứu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật để nâng cao an toàn đập, từng bước nâng cao năng lực cảnh báo sớm và vận hành hồ đập theo thời gian thực; xây dựng kế hoạch quản lý an toàn đập bao gồm các giải pháp nâng cao năng lực, thể chế; các giải pháp phi công trình và các giải pháp công trình theo hướng quản lý tổng hợp tài nguyên nước, xây dựng tài chính bền vững cho quản lý vận hành đập. Dự kiến giai đoạn 2016-2020 sẽ sửa chữa, nâng cấp 1.150 hồ đập với tổng kinh phí 21.130 tỷ đồng. Trước mắt sẽ sửa chữa đảm bảo an toàn cho trên 400 hồ đập bằng nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới (dự án WB8) với kinh phí 450 triệu USD.

b) Giải pháp khoa học, công nghệ, đào tạo nâng cao năng lực quản lý hồ đập

- Đang hợp tác kỹ thuật với các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Pháp nghiên cứu áp dụng các công nghệ quan trắc, giám sát đập; công nghệ dự báo, cảnh báo phục vụ vận hành hồ chứa theo thời gian thực; Công nghệ sửa chữa nâng cấp đập, công nghệ chống thấm cho đập, công nghệ sửa chữa công dưới đê và đập...; Đang nghiên cứu thí điểm bài toán tính toán vỡ đập và lập phương án phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập trên lưu vực sông Cà (Hợp tác với New Zealand); kết quả thí điểm là cơ sở để xây dựng tiêu chuẩn hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật như: Tiêu chuẩn đánh giá an toàn đập, tiêu chuẩn hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt cho vùng hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập, Tiêu chuẩn lập kế hoạch sẵn sàng ứng phó trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập, Định mức kiểm định an toàn đập, định mức xây dựng bản đồ ngập lụt bản đồ ngập lụt.

- Đã ban hành sổ tay hướng dẫn công tác quản lý an toàn đập; Xây dựng khung quản lý an toàn đập và kế hoạch thực hiện.

- Đã ban hành Bộ tài liệu đào tạo về quản lý an toàn đập cho đối tượng cán bộ quản lý (Quyết định số 196/QĐ-TCTL-QLCT ngày 13/3/2014) và Bộ tài liệu đào tạo về quản lý an toàn đập cho đối tượng cán bộ, công nhân trực tiếp vận hành (Quyết định số 356/QĐ-TCTL-QLCT ngày 19/5/2014).

- Năm 2014, đã tổ chức 21 lớp đào tạo về an toàn đập cho khoảng 1.500 cán bộ thuộc Sở NN và PTNT, Chi cục Thủy lợi, Công ty QLKTCTTL, hợp tác xã, các tổ chức hợp tác dùng nước ở khu vực miền núi phía Bắc, miền Trung, Tây Nguyên.

1.6. Về phòng chống thiên tai

Đang quyết liệt chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chiến lược phòng chống thiên tai; xây dựng thể chế chính sách, xây dựng kế hoạch quản lý thiên tai Quốc gia, kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai cho khu vực có nguy cơ xảy ra thiên tai và kế hoạch quản lý lũ tổng hợp các lưu vực sông. Cụ thể:

a) Về xây dựng và hoàn thiện thể chế chính sách, củng cố tổ chức bộ máy phòng chống thiên tai.

- Đã xây dựng và trình Quốc hội đã ban hành Luật Phòng, chống thiên tai.
- Đã xây dựng và trình Chính phủ đã ban hành 2 Nghị định thi hành Luật Phòng chống thiên tai (Nghị định 66/2014/NĐ-CP ngày 04/7/2014 ban hành quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai; Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 Quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.)

- Đang xây dựng Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra

- Đang rà soát Chiến lược quốc gia về phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng (hoàn thành tháng 12/2015); Rà soát bổ sung hoàn thiện các chính sách về hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đang chỉ đạo nghiên cứu cơ chế chính sách quản lý bảo vệ đê, khoán duy tu bảo vệ đê và mô hình quản lý đê kiểu mẫu dựa vào cộng đồng

- Triển khai xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp Quốc gia và hướng dẫn, đôn đốc các tỉnh xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh, huyện, xã (5 tỉnh đã có kế hoạch PCTT: Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Đồng Tháp). Hiện có 78 xã (27 xã dự án WB5 và 51 xã dự án SCDM) đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai trong khuôn khổ các dự án WB, JICA và các tổ chức phi chính phủ.

- Đang chỉ đạo thực hiện kiện toàn bộ máy PCTT các cấp theo Luật Phòng, chống thiên tai và Nghị định 66/2014/NĐ-CP:

+ Ở Trung ương: Thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai và tổ chức lại bộ máy giúp việc của cơ quan Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai.

+ Ở địa phương: 63 tỉnh/thành phố đã kiện toàn và tổ chức bộ máy PCTT. Có 60 tỉnh thành lập Văn phòng TT Ban Chỉ huy PCTT và TKCN trên cơ sở Chi cục Thủy lợi và Chi cục quản lý Đê điều; 3 tỉnh thành lập riêng (Lào Cai, Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu). Có 17/63 tỉnh/thành phố thành lập Quỹ phòng chống thiên tai và bộ máy quản lý Quỹ.

b) Tổ chức rà soát, triển khai thực hiện các đề án, dự án về PCTT

- Đã xây dựng kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Hương (Thừa Thiên Huế) và tỉnh Quảng Bình (Lồng ghép Dự án Jica).

- Đã hoàn thành quy hoạch hệ thống báo động trực canh cảnh báo sóng thần. Năm 2015, thực hiện sẽ đầu tư tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi.

- Đã triển khai thí điểm mạng đo mưa cộng đồng phục vụ phòng chống lũ tại Hà Tĩnh và Bình Định (trong khuôn khổ dự án WB5) với 85 điểm đo được xây dựng.

- Đang triển khai xây dựng kế hoạch quản lý thiên tai lưu vực sông gắn với kế hoạch phòng chống thiên tai cấp tỉnh cho 10 tỉnh miền Trung (trong khuôn khổ dự án WB5), lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai (hỗ trợ của AFD và Đan Mạch).

- Đang chỉ đạo xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão. Hiện đã có 28/28 tỉnh ven biển hoàn thành và phê duyệt phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão.

- Đang chỉ đạo khẩn trương hoàn thành xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh và siêu bão (giai đoạn 1); đã trình Thủ tướng Chính phủ phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão báo cáo Bộ (tháng 6/2015); chỉ đạo thực hiện rà soát, cập nhật bản đồ ngập lụt theo các cấp báo động ở các lưu vực sông lớn miền Trung.

- Đang hướng dẫn các địa phương triển khai trên thực tế phương án ứng phó, trong đó, tập trung cho công tác phối hợp chỉ huy, ứng phó, công tác sơ tán dân, đảm bảo thông tin và khắc phục hậu quả, tìm kiếm cứu nạn.

- Đã đề xuất và vận động tài trợ từ Quỹ hỗ trợ phòng tránh thiên tai miền Trung và tổ chức Save Children, thiết lập mạng cảnh báo ngập lụt hạ du ở lưu vực sông Kôn - Hà Thanh (Bình Định) và Vu Gia - Thu Bồn (Quảng Nam) với 900 điểm cảnh báo.

c) Về xây dựng cơ sở dữ liệu; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực phòng chống thiên tai

- Đang phối hợp với tập đoàn Hitachi (Nhật Bản) lập dự án xây dựng hệ thống tổng hợp dữ liệu quản lý rủi ro thiên tai tại khu vực miền Trung.

- Đang xây dựng 3 bộ cơ sở dữ liệu về thiên tai, hồ chứa và đê điều khu vực miền Trung (lồng ghép dự án WB5).

- Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu vào Website của Văn phòng TT Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai.

- Đã biên soạn và phát hành 4.380 tài liệu hướng dẫn, 2.331 cuốn tài liệu "Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng - dành cho cấp xã", 2.079 cuốn tài liệu Bộ chỉ số theo dõi và đánh giá thực hiện Đề án và đào tạo được 1132/1439 giảng viên cấp tỉnh, đạt gần 79%.

- Xây dựng được 10 tiểu phẩm truyền hình, 18 phim tài liệu khoa học, 20 phim ngắn về phòng chống thiên tai.

1.7. Về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

Đang tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ Chương trình MTQGNVSVMTNT, trọng tâm là rà soát quy hoạch, hoàn thiện thể chế chính sách nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu suất vận hành các công trình cấp nước tập trung và huy động khu vực tư nhân tham gia. Cụ thể:

a) Về lập, rà soát điều chỉnh quy hoạch cấp nước sạch nông thôn

- Hoàn thiện, phê duyệt 3 dự án quy hoạch vùng nước sạch nông thôn trong điều kiện Biến đổi khí hậu, bao gồm: Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Chỉ đạo các địa phương rà soát, cập nhật quy hoạch cấp nước sạch nông thôn (2016-2020). Hiện có khoảng 30 tỉnh đã hoàn thành báo cáo cập nhật quy hoạch.

Đã bố trí kinh phí để đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động phù hợp quy hoạch.

b) Về xây dựng và hoàn thiện thể chế chính sách

- Đang chỉ đạo cập nhật Chiến lược quốc gia cấp nước sạch & VSMTNT đến 2020 tầm nhìn đến 2030 với phương châm phát huy nội lực, đẩy mạnh xã hội

hóa, tăng cường quản lý Nhà nước trong các dịch vụ cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hiệu quả và bền vững.

- Đã ban hành Thông tư liên tịch số 37/2014/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 31/10/2014 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; xây dựng Thông tư Hướng dẫn cấp nước an toàn khu vực nông thôn (dự kiến ban hành tháng 9/2015).

- Đang chỉ đạo xây dựng Thông tư Hướng dẫn thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công-tư (PPP); xây dựng tiêu chuẩn quy, chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật

c) Về ứng dụng các sáng kiến; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý và nhận thức về nước sạch nông thôn

- Đã hợp tác với các tổ chức quốc tế, các NGOs nghiên cứu dụng nhiều sáng kiến trong xây dựng và quản lý các công trình cấp nước nông thôn như: quản lý theo kết quả đầu ra (WASHOBA); Công nghệ đập ngầm; Xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn; Lọc nước quy mô hộ gia đình ...

- Đang xây dựng Sổ tay, hướng dẫn: Về Quản lý vận hành các công trình cấp nước tập trung nông thôn; Về quản lý tài chính; về cấp và trữ nước quy mô hộ gia đình; về chống thất thoát thất thu nước; về công tác truyền thông về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn; về các công nghệ cấp nước hộ gia đình giá thành hạ, an toàn, thân thiện với môi trường và phù hợp với các vùng miền; về xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn cho hệ thống cấp nước nông thôn .

- Rà soát tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật các công trình cấp nước tập trung nông thôn tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng (PforR) do WB tài trợ.

- Đã tổ chức đào tạo nâng cao năng lực kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cho 80 học viên đến từ các tỉnh Quảng Ngãi, Phú Yên, Bình Định, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Kạn (Dự án do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Havetas tài trợ).

1.8. Kiện toàn củng cố bộ máy, tổ chức; nâng cao năng lực quản lý ngành

a) Kiện toàn và củng cố bộ máy, tổ chức

Đang chỉ đạo các địa phương rà soát chức năng nhiệm vụ và kiện toàn lại bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi theo Nghị định số 24/2014/NĐ-CP, Nghị định số 37/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư liên tịch 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV, Thông tư 15/2015/TT-BNNPTNT nhằm thống nhất về một đầu mối quản lý nhà nước về thủy lợi, đề điều và phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn. Đến nay cả 63 tỉnh đều đang xây dựng đề án soát chức năng nhiệm vụ, kiện toàn lại bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi, dự kiến hết năm 2015 UBND cấp tỉnh phê duyệt bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi ở cấp tỉnh và huyện.

Đang chỉ đạo các địa phương sắp xếp lại tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi phù hợp với phân cấp quản lý, bảo đảm các công trình thủy lợi phải có chủ quản lý thực sự. Củng cố Hội đồng quản lý thủy lợi liên tỉnh và nghiên cứu mô hình quản lý thủy lợi ở ĐBSCL, mô hình quản lý thủy nông cơ sở phù hợp với mô hình

sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, thúc đẩy gắn kết nông dân với doanh nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, mô hình sản xuất cánh đồng mẫu lớn.

b) Đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành thủy lợi

- Đã phê duyệt Chương trình đào tạo, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành quản lý khai thác công trình thủy lợi giai đoạn 2014-2020; Chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành quản lý khai thác công trình thủy lợi đã được Bộ phê duyệt (QĐ 3956/QĐ-BNN-TCCB ngày 16/9/2014; QĐ 874/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/9/2014). Xây dựng và ban hành bộ tài liệu đào tạo về quản lý khai thác công trình thủy lợi; bộ tài liệu đào tạo về quản lý an toàn; bộ tài liệu chuẩn về đào tạo quản lý thiên tai cho cộng đồng.

- Năm 2014, đã chỉ đạo lồng ghép từ các dự án ODA để đào tạo cho cán bộ công chức, viên chức và công nhân thủy lợi ở các địa phương. Đã giao Trường Cán bộ quản lý NN và PTNT I, II tổ chức 21 lớp đào tạo về an toàn đập cho khoảng 1.500 cán bộ thuộc Sở NN và PTNT, Chi cục Thủy lợi, Công ty QLKTCTTL, hợp tác xã, các tổ chức hợp tác dùng nước; đã cơ bản hoàn thành công tác đào tạo 1132 giảng viên cấp tỉnh thuộc Đề án 1002/TTg nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng chống giảm nhẹ thiên tai;

Ngoài ra một số tỉnh đã chủ động liên kết với các trường công nhân kỹ thuật tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực quản lý đáp ứng quy định tại Thông tư 40/2010/TT-BNN như Hà Nam, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Quang Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Tuyên Quang....

Tóm lại, sau hơn 1 năm triển khai thực hiện Đề án, Bộ đã chỉ đạo quyết liệt và triển khai mạnh mẽ thực hiện các nội dung của đề án và các nhiệm vụ theo kế hoạch động để thực hiện tái cơ cấu ngành thủy lợi từ khâu rà soát qui hoạch, xây dựng các văn bản qui phạm pháp luật, rà soát ban hành các thể chế, ứng dụng khoa học công nghệ, điều chỉnh kịp thời các dự án đầu tư công thuộc các nguồn vốn. Ở địa phương, đã có 33 tỉnh thành phố xây dựng Đề án tái cơ cấu nông nghiệp trên phạm vi tỉnh có lồng ghép những nội dung cụ thể của thủy lợi, một số tỉnh đang chỉ đạo xây dựng Đề án tái cơ cấu thủy lợi riêng. Bước đầu đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, tư duy và hành động trong toàn ngành góp phần thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

Tuy vậy trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Đề án vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

Mặc dù đã tổ chức phổ biến, quán triệt, triển khai thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Thủy lợi đến tất cả các tỉnh, nhưng vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Nhận thức của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa tốt nên chưa quan tâm đúng mức, thiếu quyết liệt trong chỉ đạo điều hành, chủ yếu giao trách nhiệm này cho Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện; Chưa bám sát các định hướng của Bộ Nông nghiệp và PTNT để cụ thể hóa vào điều kiện cụ thể của từng địa phương; vẫn nặng tư tưởng bao cấp, chú trọng đề xuất xin dự án đầu tư xây dựng.

- Tổ chức triển khai Đề án còn chậm, theo báo cáo của 36 tỉnh, hiện mới có 10 tỉnh (28 %) đã xây dựng và phê duyệt xong Đề án hoặc kế hoạch thực hiện (Vĩnh Long, Kon Tum, Quảng Ngãi, Trà Vinh, Đồng Tháp, TP.HCM, Ninh Bình, Sơn La, Đắk Nông, Khánh Hòa), các tỉnh còn lại đang ở giai đoạn xây dựng Đề án và lấy ý kiến các cơ quan liên quan.

- Nội dung, giải pháp của Đề án ở một số địa phương còn chung chung, thậm chí còn lúng túng; nhiều địa phương chưa xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể, chưa xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt trong bối cảnh thắt chặt đầu tư công như rà soát điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với nguồn lực; rà soát điều chỉnh các dự án đầu tư, điều chỉnh vốn đầu tư để đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành và kế hoạch trung hạn 2016-2020 của địa phương gắn với hoàn chỉnh thủy lợi nông đồng với xây dựng nông thôn mới.

- Chậm đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế chính sách quản lý để nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi theo cơ chế thị trường, huy động khu vực tư nhân tham gia theo hình thức đối tác công tư (PPP) nên chưa huy động nguồn của toàn xã hội cho đầu tư phát triển thủy lợi.

- Công tác thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản triển khai chậm, chủ yếu mới làm được ở bước Quy hoạch, xác định danh mục dự án mà chưa xây dựng được các dự án mẫu; chưa gắn kết được quy hoạch vùng, quy hoạch địa phương để thực hiện đồng bộ, thông suốt.

- Công tác phòng chống thiên tai vẫn còn bị động, giải pháp phòng chống vẫn nặng về giải pháp công trình mà chưa quan tâm thích đáng đến giải pháp phi công trình, nâng cao nhận thức cộng đồng để chủ động ứng phó.

- Chậm chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về tưới tiết kiệm nước, tưới tiên tiến; công tác dự báo, cảnh báo, hiện đại hóa thủy lợi.

- Chính sách thiếu đồng bộ, chông chéo giữa các ngành. Triển khai thực hiện chậm, các tỉnh thiếu nguồn lực nên hiệu quả của chính sách chưa cao như: Nghị định 210/2013/NĐ-CP, Nghị định 42/2012/NĐ-CP, Nghị định 67/2014/NĐ-CP, Nghị định 35/2015/NĐ-CP về quản lý sử dụng đất trồng lúa, Quyết định 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 và Thông tư 08/2014/TT-BNNPTNT về hỗ trợ giảm tổn thất trong nông nghiệp, Quyết định 580/QĐ-TTg ngày 22/4/2014 về chính sách hỗ trợ giống để chuyển đổi từ trồng lúa sang trồng màu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long; Chính sách kiên cố hóa kênh mương hoàn thiện thủy lợi nội đồng.

- Chính sách hỗ trợ để thực hiện nâng cao hiệu quả quản lý công trình thủy lợi, khuyến khích áp dụng công nghệ và sản xuất vật liệu để tưới tiên tiến tiết kiệm nước còn chậm triển khai thực hiện..

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

- Quyết liệt chỉ đạo thực hiện đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi đã được phê duyệt. Đôn đốc các tỉnh khẩn trương phê duyệt Đề án và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết. Đưa kế hoạch hành động cụ thể vào chương trình kế hoạch hoạt động hàng tháng, hàng quý của các cấp ủy đảng, chính quyền ở các cơ quan, đơn vị.

- Thành lập Tổ công tác ở Tổng cục Thủy lợi, Sở NN&PNT để đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương rà soát chức năng nhiệm vụ và kiện toàn lại bộ máy quản lý nhà nước về thủy lợi Thông tư liên tịch 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV, Thông tư 15/2015/TT-BNNPTNT

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức, tạo sự chuyển biến cao trong toàn ngành.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ đang triển khai thực hiện theo kế hoạch và một số nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

3.1. Về nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về một số cơ chế chính sách phát triển thủy lợi nội đồng và tưới tiết kiệm nước, chỉ đạo triển khai áp dụng rộng rãi.

- Chỉ đạo nghiên cứu xây dựng chính sách xã hội hóa thu hút đầu tư vào hạ tầng thủy lợi theo Chi thị 16/CT-TTg ngày 8/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Chi thị của Bộ trưởng số 5931/CT-BNN-KH ngày 27/7/2015. Xây dựng Đề án giá dịch vụ thủy lợi để thu hút đầu tư;

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến để hoàn chỉnh thủy lợi nội đồng gắn với chỉnh trang đồng ruộng phục vụ phương thức canh tác tiên tiến (SRI, nông - lộ - phoi,...).

- Tiếp tục chỉ đạo hoàn chỉnh thủy lợi nội đồng, củng cố các tổ chức thủy nông cơ sở.

- Xây dựng Khung kế hoạch hiện đại hoá hệ thống công trình thủy lợi và triển khai thực hiện tại các hệ thống thủy lợi lớn.

- Triển khai thực hiện đặt hàng, đấu thầu quản lý khai thác công trình thủy lợi ở các địa phương, trước mắt thí điểm tại Hà Giang, Quảng Nam (trong dự án WB7). Xây dựng và hoàn thiện trình Bộ hướng dẫn trình tự, thủ tục đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch trong quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Rà soát, đánh giá hoạt động của các Hội đồng quản lý hệ thống thủy lợi liên tỉnh, trước mắt đối với các hệ thống thủy lợi liên tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất áp dụng thí điểm mô hình tổ chức quản lý hệ thống liên tỉnh cho hệ thống Quản Lộ - Phụng Hiệp.

- Rà soát, đánh giá mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long, kiến nghị các giải pháp để củng cố, kiện toàn.

- Đánh giá chính sách thủy lợi phí theo quy định của Nghị định 67/2012/NĐ-CP để chuẩn bị sơ kết 3 năm thi hành và sửa đổi chính sách.

3.2. Tưới cho cây trồng cạn

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về một số cơ chế chính sách tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn và triển khai trên thực tế.

- Hoàn chỉnh quy trình công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho một số loại cây trồng cạn chủ lực, có lợi thế ở các vùng miền.

- Ưu tiên kinh phí đầu tư xây dựng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước cho cây trồng cạn.

- Tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng mô hình có hiệu quả ra thực tiễn.

3.3. Thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản

- Hoàn chỉnh quy trình công nghệ cấp, thoát nước và xử lý nước phục vụ nuôi trồng thủy sản bền vững.
- Ưu tiên kinh phí đầu tư xây dựng phục vụ chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản.

3.4. Quản lý an toàn đập

- Hoàn thiện thể chế về an toàn đập (Nghị định, Thông tư hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật ...).
- Đẩy mạnh áp dụng các công nghệ tiên tiến về dự báo, cảnh báo phục vụ vận hành đập theo thời gian thực; quan trắc, giám sát đập.
- Tiếp tục rà soát phân loại để ưu tiên kinh phí đầu tư sửa chữa, nâng cấp cho các hồ (trong số 1.150 hồ) xung yếu đảm bảo an toàn và nâng mức đảm bảo an toàn;
- Thúc đẩy áp dụng mô hình quản lý cộng đồng đối với các hồ chứa nước nhỏ ở khu vực Tây Nguyên, miền núi.

3.5. Phòng, chống thiên tai

- Hoàn thiện thể chế về quản lý thiên tai (các Thông tư hướng dẫn, chính sách hỗ trợ, kiện toàn bộ máy PCTT các cấp,...).
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến về dự báo, cảnh báo thiên tai (công nghệ không gian, công nghệ thông tin...).
- Hoàn thiện phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão.
- Hoàn thành việc xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão; bản đồ ngập lụt hạ du các lưu vực sông trong tình huống vỡ đập; hoàn thành xây dựng Kế hoạch Quản lý lũ tổng hợp.
- Ưu tiên kinh phí thực hiện các giải pháp phi công trình trong phòng, chống thiên tai.

3.6. Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- Hoàn thiện thể chế về nước sạch nông thôn (Thông tư về quản lý, khai thác công trình nước sạch; cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng công trình nước sạch,...).
- Ưu tiên kinh phí để đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sạch tập trung hoạt động kém hiệu quả hoặc không hoạt động.
- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng công trình cấp nước.
- Hướng dẫn, hỗ trợ để phát triển cấp nước hộ gia đình./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT